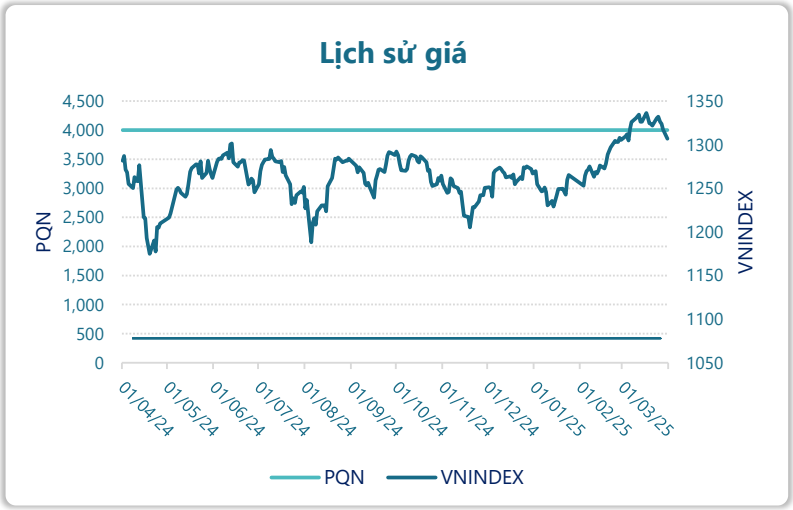
FireAnt

CTCP Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC (UPCOM: PQN)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
P/E	4.3
EPS	937

DT thuần

Q1/25

150

tỷ VNĐ

QoQ: ▼269| -64.1%

YoY: ▼51.0| -25.1%

LN sau thuế

Q1/25

3.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.43| -40.3%

YoY: ▼0.68| -15.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.3%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

1,603

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 526| 48.9%

LN sau thuế

2024

28.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.40| 28.9%

ROE

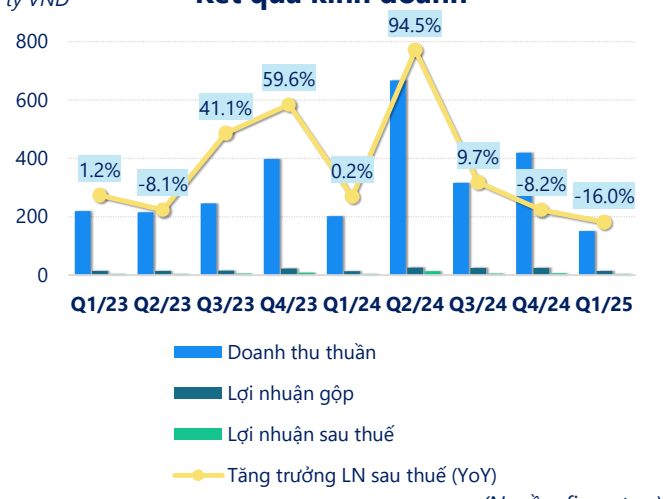
2024

17.5%

+/- YoY: ▲ 1.4%

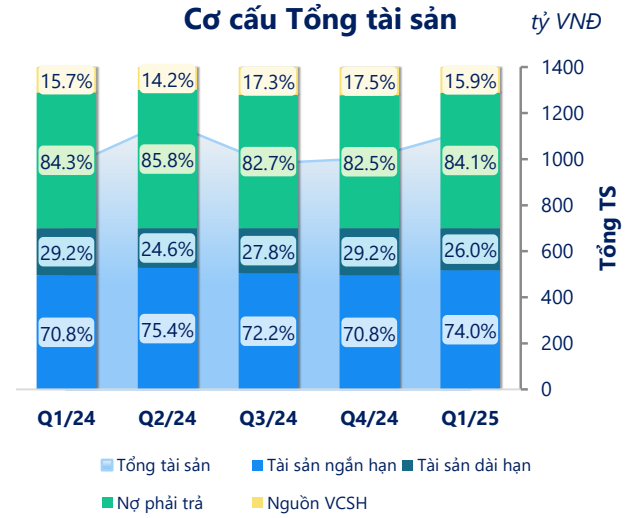
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



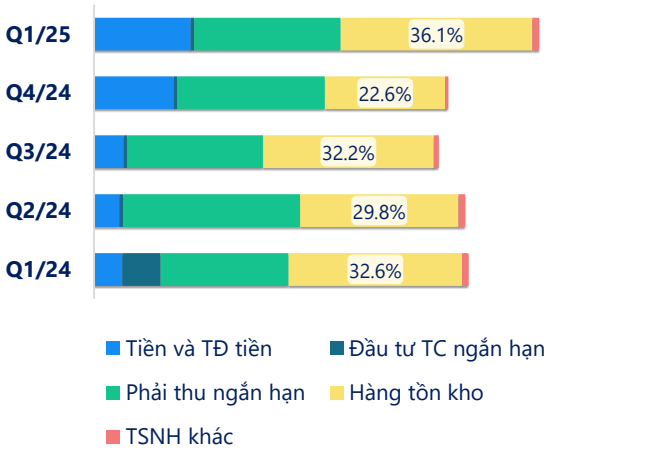
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



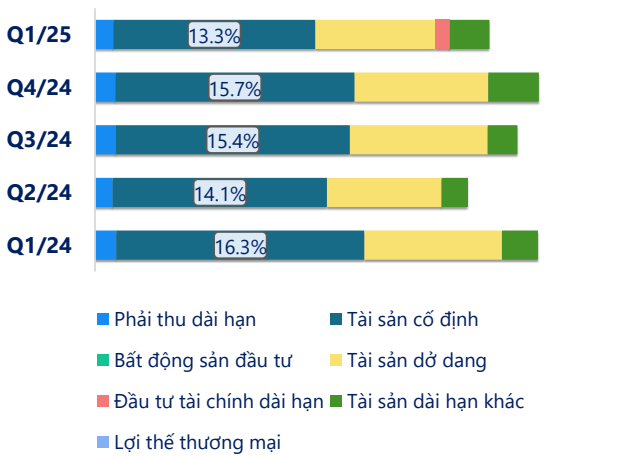
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



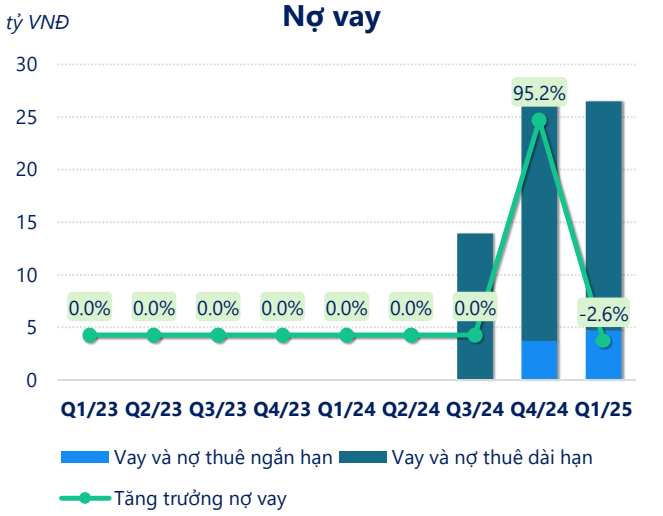
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



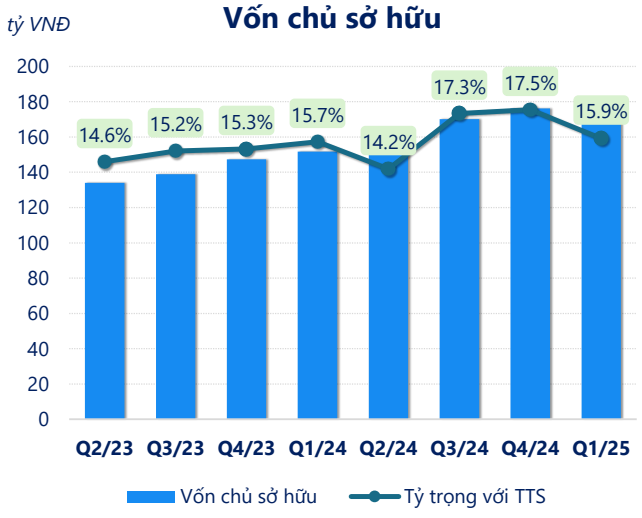
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



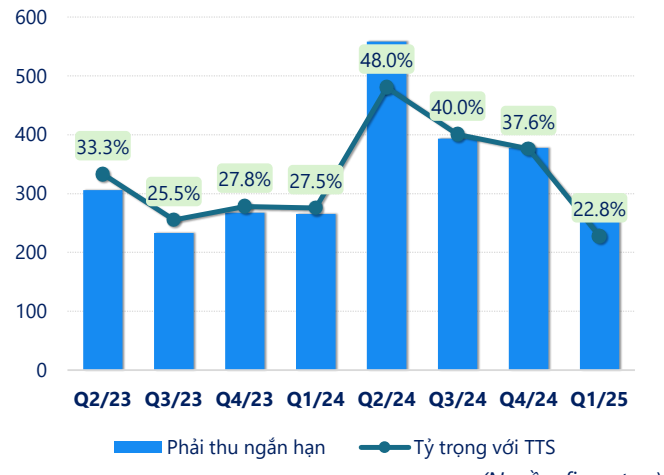
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



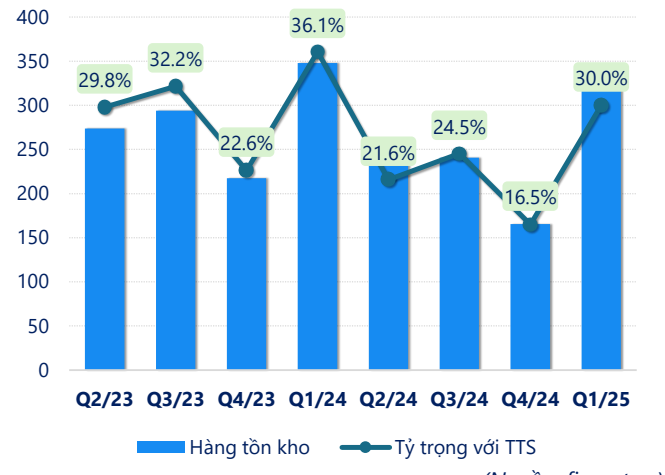
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



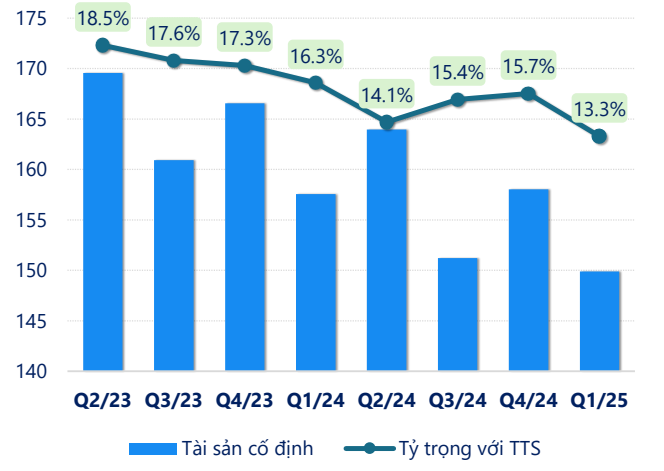
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



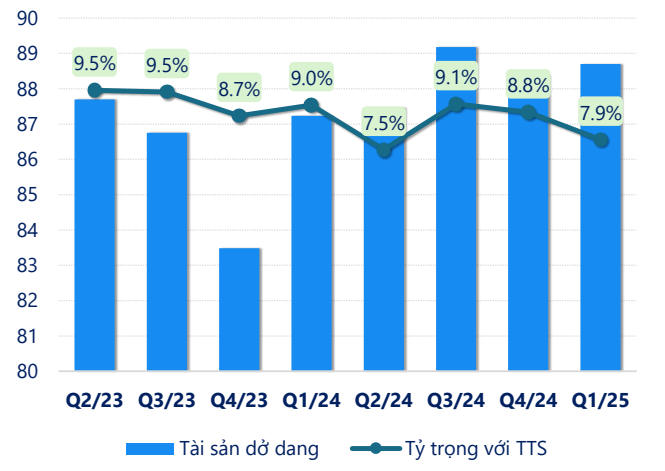
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



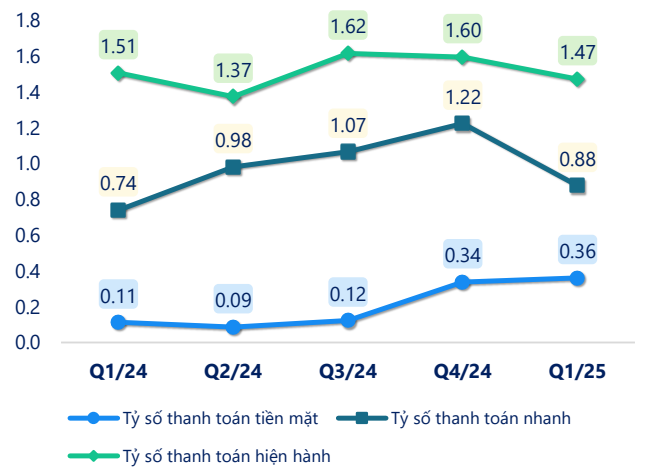
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



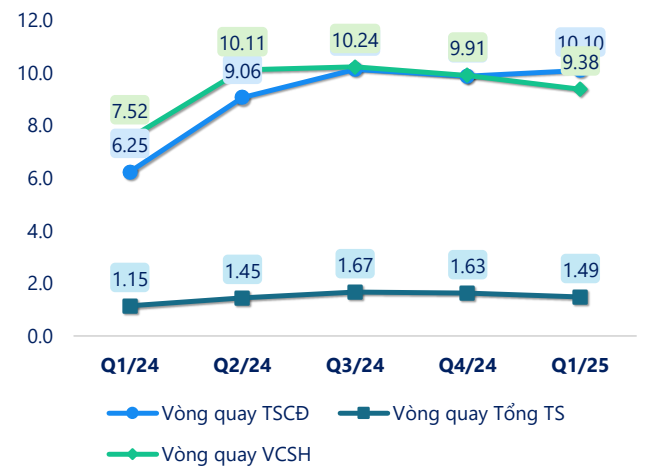
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**964**	**1,162**	**982**	**1,004**	**1,126**
Tài sản ngắn hạn	**683**	**876**	**709**	**711**	**834**
Tiền và tương đương tiền	50.9	54.9	54.2	150	204
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	6.40	6.40	6.40
Phải thu ngắn hạn	266	558	393	378	256
Hàng tồn kho	348	251	241	166	338
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	6.33	14.2	10.9	28.7
Tài sản dài hạn	**281**	**285**	**273**	**293**	**293**
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	13.5	13.5	13.5
Tài sản cố định	158	164	151	158	150
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	87.2	87.5	89.2	88.4	88.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	11.0
Tài sản dài hạn khác	22.8	20.2	19.2	33.5	29.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**813**	**997**	**812**	**828**	**947**
Nợ ngắn hạn	**454**	**638**	**439**	**445**	**566**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	3.70	4.70
Phải trả người bán ngắn hạn	244	461	247	241	266
Nợ dài hạn	359	359	373	383	381
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	13.9	23.5	21.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**152**	**165**	**170**	**176**	**179**
Vốn chủ sở hữu	**152**	**165**	**170**	**176**	**179**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)